

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ HỆ THỐNG TẠP CHÍ HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH THEO HƯỚNG CHUẨN HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TS PHẠM THỊ THÀNH,
ThS NGUYỄN HUYỀN TRANG
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 21/1/2026; Ngày phản biện: 22/1/2026; Ngày duyệt đăng: 10/2/2026.

● **Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích yêu cầu đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số, chuẩn hóa xuất bản khoa học và hội nhập quốc tế. Chuyển đổi số được luận giải như một quá trình tái cấu trúc toàn diện hoạt động xuất bản, bao gồm các khâu: Tiếp nhận bản thảo, phản biện, biên tập, xuất bản, lưu trữ, đến theo dõi dữ liệu trích dẫn và đo lường ảnh hưởng khoa học, qua đó đặt ra yêu cầu nâng chuẩn quản trị theo các thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết nhận diện các “điểm nghẽn” cản trở quá trình chuẩn hóa và hội nhập, đồng thời đề xuất định hướng đổi mới quản trị hệ thống dựa trên năm trụ cột: 1) Pháp lý và trách nhiệm giải trình; 2) Chuẩn mực học thuật và đạo đức xuất bản; 3) Nền tảng hóa quy trình quản trị; 4) Dữ liệu hóa và định danh hóa; 5) An toàn, an ninh dữ liệu. Những định hướng này là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, củng cố uy tín khoa học và tăng cường năng lực hội nhập quốc tế của hệ thống tạp chí Học viện trong giai đoạn mới.

● **Từ khóa:** Chuyển đổi số; Chuẩn hóa; Hội nhập quốc tế; Tạp chí khoa học; Quản lý tạp chí; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.



1. Bối cảnh chuyển đổi số và xu hướng chuẩn hóa tạp chí khoa học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, công bố khoa học trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ nghiên cứu và sức cạnh tranh của các quốc gia, các cơ sở đào tạo - nghiên cứu.

Chuyển đổi số, vì vậy, không còn là câu chuyện riêng liên quan đến phương tiện kỹ thuật mà trở thành động lực tái cấu trúc toàn diện cách thức tổ chức đời sống học thuật, trong đó hệ thống tạp chí khoa học đóng vai trò như một “hạ tầng tri thức” chủ đạo.

Trong môi trường nghiên cứu hiện đại,

chuyển đổi số đang thúc đẩy hai xu hướng song hành và tác động trực tiếp đến hoạt động của các tạp chí khoa học: *Một là*, số hóa toàn bộ hoạt động xuất bản; *hai là*, chuẩn hóa và hội nhập tiêu chuẩn xuất bản theo thông lệ quốc tế. Về bản chất, số hóa không dừng lại ở việc “đưa tạp chí lên mạng” hay chuyển từ bản in sang bản điện tử, mà là quá trình tổ chức lại toàn bộ quy trình xuất bản: Từ tiếp nhận bài viết, phản biện, biên tập, xuất bản, lưu trữ đến theo dõi dữ liệu trích dẫn và đo lường ảnh hưởng khoa học. Khi quy trình này được số hóa, yêu cầu quản trị tạp chí buộc phải dịch chuyển từ kiểu quản lý hành chính, dựa vào kinh nghiệm và thói quen sang quản trị học thuật dựa trên chuẩn mực, quy trình và dữ liệu. Điều đó giải thích vì sao chuẩn hóa trở thành yêu cầu tất yếu, bởi nếu không chuẩn hóa thì không thể số hóa hiệu quả; không số hóa thì không thể mở rộng lan tỏa và không thể hội nhập.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng mở rộng không gian công bố và làm gia tăng sức ép cạnh tranh về chất lượng. Trong môi trường số, bài viết được công bố nhanh hơn, tiếp cận rộng hơn và bị theo dõi và đánh giá mạnh hơn, tạo ra “áp lực chất lượng” mới khi bài viết không chỉ yêu cầu nội dung đảm bảo tính khoa học mà còn phải đạt chuẩn trình bày, chuẩn trích dẫn, chuẩn phương pháp và đặc biệt là chuẩn đạo đức học thuật. Điều đó đặt ra yêu cầu nâng cấp toàn diện năng lực quản trị của tạp chí theo hướng nâng chuẩn học thuật, chuẩn trách nhiệm và chuẩn minh bạch.

Trong bối cảnh ấy, chuẩn hóa tạp chí khoa học là yêu cầu tất yếu, không phải là hình thức hay đối phó tiêu chí. Trước hết là chuẩn hóa quy trình xuất bản, bảo đảm các khâu tiếp nhận, đánh giá, phản biện, xử lý bản thảo rõ ràng, thống nhất. Sự minh bạch của quy trình này giúp hạn chế cảm tính, giảm rủi ro

thiên vị và tạo nền tảng đo lường, cải tiến chất lượng. Về nội dung, hướng tới chuẩn hóa chuẩn mực học thuật, bảo đảm các yêu cầu về tính mới, tính đúng đắn khoa học, phương pháp, cấu trúc bài viết, trích dẫn và đạo đức công bố; đồng thời, giúp kiểm soát các rủi ro như sao chép, trùng lặp công bố, đạo văn hoặc dữ liệu thiếu minh bạch.

Một hướng chuẩn hóa quan trọng khác là chuẩn hóa dữ liệu và định danh. Trong kỷ nguyên số, bài viết trở thành một “đơn vị dữ liệu học thuật” cần được nhận diện và truy xuất bền vững. Do đó, việc triển khai DOI (mã định danh tài liệu số), ORCID¹ (mã định danh kỹ thuật số) và các hệ thống quản lý quy trình trực tuyến như Open Journal Systems (OJS)² giúp chuẩn hóa dữ liệu, tăng khả năng truy vết, tăng minh bạch và liên thông học thuật. Chuẩn hóa cũng gắn chặt với yêu cầu hội nhập quốc tế, bởi hội nhập không chỉ yêu cầu bài viết chất lượng mà còn là khả năng vận hành theo chuẩn mực quốc tế về phản biện, trích dẫn, đạo đức học thuật và chuẩn dữ liệu. Thực tế, số lượng tạp chí khoa học Việt Nam đạt chuẩn quốc tế còn rất hạn chế. Đến tháng 4/2025, Việt Nam chỉ có 15 tạp chí trong cơ sở dữ liệu của Web of Science và Scopus (Lê Thị Bắc, 2025), điều này phản ánh thách thức về chuẩn hóa và chất lượng xuất bản khoa học trong nước.

Có thể thấy, chuyển đổi số đang tái cấu trúc toàn bộ hoạt động xuất bản khoa học theo hướng số hóa quy trình, mở rộng lan tỏa và gia tăng sức ép cạnh tranh chất lượng. Trong bối cảnh đó, chuẩn hóa tạp chí khoa học là yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm minh bạch quy trình, củng cố liêm chính học thuật, nâng cao uy tín và tăng khả năng hội nhập, đồng thời là phương thức quản trị hiệu quả để thích ứng với hành lang pháp lý mới của hoạt động báo chí trong môi trường số, góp phần hình

thành nền xuất bản khoa học chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển bền vững.

2. Thực trạng quản lý hệ thống tạp chí Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các “điểm nghẽn”

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ và xu hướng chuẩn hóa tạp chí khoa học ngày càng trở thành tiêu chí đánh giá quan trọng của hoạt động xuất bản học thuật, hệ thống tạp chí của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện) đứng trước yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và thống nhất. Đây không chỉ là yêu cầu nâng cao chất lượng công bố khoa học, mà còn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược nhằm bảo đảm vai trò và vị thế của các tạp chí trong đời sống khoa học - chính trị, đồng thời tạo nền tảng để hội nhập vào hệ sinh thái xuất bản khoa học hiện đại.

Trước hết, cần khẳng định vai trò đặc thù của các tạp chí trong hệ thống Học viện. Các tạp chí của Học viện không chỉ là kênh công bố kết quả nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, mà còn là diễn đàn học thuật có chức năng quan trọng trong truyền bá và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời lan tỏa các kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Với chức năng tư tưởng - học thuật này, hệ thống tạp chí của Học viện vừa phải bảo đảm yêu cầu khoa học, vừa phải đáp ứng yêu cầu định hướng chính trị và tính chiến đấu. Hiện nay, Học viện có 18 tạp chí, bao gồm 12 tạp chí tại Trung tâm Học viện³ và 6 tạp chí tại các học viện trực thuộc⁴, trong đó một số tạp chí xuất bản hơn một ấn phẩm định kỳ, thực hiện đồng thời loại hình in và điện tử, có phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh,

với tôn chỉ, mục đích gắn với chức năng chính trị, khoa học của Học viện, phù hợp với yêu cầu của Luật Báo chí về tính định hướng, tính chuyên ngành và trách nhiệm của cơ quan chủ quản.

Tuy nhiên, nhìn thẳng vào thực trạng cho thấy, mô hình quản lý hệ thống tạp chí Học viện hiện nay vẫn mang đậm dấu ấn quản lý truyền thống, thiên về quản lý hành chính và phân cấp theo từng ấn phẩm riêng lẻ, chưa hình thành một khung quản trị hệ thống thống nhất cho toàn bộ mạng lưới tạp chí của Học viện.

Hạn chế thứ nhất là sự phân tán trong phương thức quản lý và mức độ chuyển đổi số giữa các tạp chí chưa đồng đều. Hiện nay, mỗi tạp chí về cơ bản vận hành theo quy chế, quy trình nghiệp vụ riêng, mức độ ứng dụng công nghệ khác nhau. Việc giám sát, tổng hợp và đánh giá hoạt động của các tạp chí chủ yếu vẫn dựa trên báo cáo định kỳ, chưa được tích hợp trên một nền tảng số dùng chung. Điều này làm hạn chế khả năng theo dõi thời gian xử lý bài viết, chất lượng phản biện, mức độ tuân thủ quy trình và hiệu quả lan tỏa khoa học của từng ấn phẩm. Trong thực tế, mặc dù đã có một số nỗ lực triển khai số hóa và mở rộng kênh phân phối nội dung trên các nền tảng số, nhưng việc triển khai vẫn mang tính cục bộ theo từng tạp chí, chưa hình thành được mô hình quản trị thống nhất ở cấp hệ thống.

Hạn chế thứ hai là sự chưa đồng bộ giữa quản lý tạp chí khoa học và yêu cầu chuẩn hóa - hội nhập theo thông lệ xuất bản hiện đại. Mặc dù nhiều tạp chí của Học viện đã chú trọng nâng cao chất lượng nội dung, tăng cường phản biện khoa học và mở rộng đội ngũ cộng tác viên, song ở cấp độ hệ thống, vẫn thiếu một bộ tiêu chí quản lý thống nhất gắn với các chuẩn mực xuất bản khoa học hiện đại như đạo đức xuất bản, chống đạo

văn, xung đột lợi ích hay minh bạch dữ liệu nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc phát triển tạp chí điện tử và triển khai các nền tảng số tuy đã được thực hiện ở một số tạp chí nhưng chưa đặt trong một chiến lược quản trị số tổng thể. Một số tạp chí đã đưa nội dung lên VJOL (Vietnam Journals Online - nền tảng số tổng hợp và lưu giữ thông tin bài báo khoa học đã xuất bản trên bản in), như: Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Triết học và Đời sống, Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách, Tạp chí Khoa học chính trị; triển khai gắn DOI cho các bài báo, tạo tiền đề cho chuẩn hóa dữ liệu và liên thông quốc tế (Nguyễn Thị Thùy Linh, 2024), tuy nhiên, do thiếu cơ chế chuẩn hóa và nền tảng quản trị dùng chung, các hoạt động này hiện vẫn chưa tạo được sự đồng bộ về quy trình, dữ liệu và chuẩn công bố trong toàn hệ thống; đồng thời, chưa hình thành được cơ chế chia sẻ tài nguyên số, chia sẻ phản biện và đo lường hiệu quả vận hành theo dữ liệu, dẫn tới tình trạng đầu tư manh mún, thiếu chuẩn chung về công nghệ và khó bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu theo yêu cầu ngày càng cao của pháp luật.

Hạn chế thứ ba là về nhân sự và năng lực hội nhập. Luật Báo chí năm 2025 (Luật số 126/QH15/2025, có hiệu lực từ ngày 1/7/2026) nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm pháp lý và năng lực quản trị của người đứng đầu cơ quan báo chí. Thực tiễn ở Học viện cho thấy, đội ngũ lãnh đạo, biên tập viên các tạp chí nhìn chung có trình độ lý luận và chuyên môn cao⁵, song năng lực quản trị tạp chí trong môi trường số, quản trị dữ liệu và quản trị rủi ro truyền thông chưa được bồi dưỡng một cách hệ thống. Thực trạng này thể hiện qua “khoảng trống kỹ năng” trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Theo kết quả khảo sát của Lưu Thị Mai Anh (2025), trong đội ngũ những người làm công tác tạp chí của Học viện, 83,4% người trả lời tự đánh

giá năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong công việc ở mức “cơ bản” và “thành thạo”. Trong khi đó, tỷ lệ người có thể “sử dụng thành thạo và sáng tạo” công nghệ chỉ đạt 10,0%; đặc biệt, mức độ ứng dụng công nghệ vào các khâu nghiệp vụ chuyên sâu như quản lý tòa soạn trực tuyến mới đạt 20,3%. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai chuyển đổi số của hệ thống báo chí Học viện cũng cho thấy đã xuất hiện những mô hình bước đầu hiệu quả: Tạp chí Lý luận chính trị đã số hóa và đăng tải hơn 100 bài viết xuất bản trước năm 2013; tiếp tục gắn DOI cho bài báo tiếng Anh và bắt đầu triển khai DOI cho bài tiếng Việt trên tạp chí điện tử. Đồng thời, năm 2025 Tạp chí Lý luận chính trị được ghi nhận trong nhóm 10 tạp chí khoa học toàn quốc được đánh giá mức độ “Tốt” về chuyển đổi số (Nguyễn Lan & Xuân Phú, 2026). Điều này cho thấy tiềm năng cải thiện là rõ ràng, nhưng để nhân rộng thành kết quả bền vững cần cơ chế đào tạo - bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp, gắn với mô hình quản trị số và tiêu chí hội nhập thống nhất ở cấp hệ thống.

Về tổng thể, thực trạng quản lý hệ thống tạp chí của Học viện có thể khái quát ở ba điểm chính: *Thứ nhất*, ưu điểm là hệ thống đã có nền tảng chính trị, pháp lý vững chắc, tôn chỉ mục đích rõ ràng và sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan chủ quản. *Thứ hai*, phương thức quản lý hiện nay vẫn mang nặng dấu ấn quản lý truyền thống, phân tán, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản trị hệ thống, quản trị số và trách nhiệm giải trình mà Luật Báo chí năm 2025 đặt ra. *Thứ ba*, quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu và chuẩn hóa khoa học mới ở giai đoạn đầu, vì vậy đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và mang tính chiến lược trong thời gian tới. Chính từ thực trạng này, yêu cầu đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí Học

viện càng trở nên cấp thiết, không chỉ nhằm tuân thủ Luật Báo chí năm 2025 mà còn hướng tới nâng cao chất lượng khoa học và uy tín học thuật của Học viện trong giai đoạn phát triển mới.

3. Định hướng đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí Học viện theo hướng chuẩn hóa và hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và chuẩn hóa xuất bản khoa học, yêu cầu đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí không còn dừng ở việc “tin học hóa” một số khâu hành chính, mà là tái thiết kế mô hình quản trị theo hướng nền tảng, dữ liệu và chuẩn mực, bảo đảm đồng bộ ở cấp hệ thống. *Một mặt*, Luật Báo chí năm 2025 đặt ra khuôn khổ pháp lý mới đối với tổ chức và hoạt động báo chí, trong đó nội dung quản lý nhà nước về báo chí nhấn mạnh vai trò chiến lược, quy hoạch phát triển, cơ chế chính sách và quản trị chất lượng hoạt động báo chí như một cấu phần của quản trị hiện đại (Quốc hội, 2025). *Mặt khác*, các định hướng lớn của Đảng về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số coi đây là động lực bứt phá, đòi hỏi thiết chế khoa học truyền thông tri thức (trong đó có hệ thống tạp chí khoa học) phải vận hành theo logic mới: Quản trị dựa trên dữ liệu, liên thông, minh bạch, bảo đảm an toàn, an ninh và hiệu quả (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Trên cơ sở đó, yêu cầu đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí Học viện trở thành nhiệm vụ cấp thiết nhằm vừa nâng cao chất lượng xuất bản học thuật, tăng cường năng lực quản trị số, vừa từng bước nâng cao uy tín và năng lực hội nhập quốc tế của hệ thống báo chí Học viện.

Định hướng đổi mới thứ nhất, tập trung vào “chuẩn hóa” và tăng cường khả năng “giải trình” trong xuất bản các tác phẩm khoa học. Hệ quy chiếu quốc tế về đạo đức xuất bản và

minh bạch quy trình đã trở thành “tiêu chuẩn nền” để một tạp chí được thừa nhận trong hệ sinh thái học thuật. Chẳng hạn: Ủy ban Đạo đức xuất bản (COPE) xác định các “Core Practices”⁶ là chuẩn mực cốt lõi cho quản trị đạo đức (xử lý sai phạm, xung đột lợi ích, minh bạch phản biện, quản trị dữ liệu và quy trình xử lý khiếu nại) (COPE, 2017). Cùng với đó, bộ nguyên tắc về tính minh bạch và thực hành tốt nhất trong xuất bản học thuật (Principles of transparency and best practice in scholarly publishing) do COPE, Danh mục Các tạp chí truy cập mở (DOAJ), Hiệp hội Xuất bản học thuật truy cập mở (OASPA) đề xuất nhấn mạnh các yêu cầu cụ thể về minh bạch chính sách phản biện, quy trình biên tập, lưu trữ, bản quyền, phí (nếu có) và thông tin quản trị tạp chí (DOAJ, n.d.). Với các tạp chí của một cơ sở đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị, yêu cầu chuẩn hóa này đồng thời là yêu cầu về uy tín học thuật và tính chính danh của tri thức, bởi minh bạch quy trình là điều kiện để bảo đảm chất lượng khoa học, hạn chế rủi ro đạo văn, gian lận, “đặc cách” hay thiên lệch trong quyết định xuất bản.

Định hướng đổi mới thứ hai, chuyển từ quản lý phân tán theo từng ấn phẩm sang quản lý hệ thống theo mô hình nền tảng. Trên thực tế, quốc tế, các nhà xuất bản lớn vận hành chuỗi quy trình nội => phản biện => biên tập => sản xuất => xuất bản trên các hệ thống quản trị bản thảo (manuscript tracking systems) nhằm tiêu chuẩn hóa nghiệp vụ, đo lường hiệu suất và bảo đảm kiểm soát chất lượng. Ví dụ như Elsevier⁷ mô tả việc quản lý phản biện và xử lý bản thảo thông qua hệ thống như Editorial Manager, qua đó giúp theo dõi trạng thái, điều phối phản biện và chuẩn hóa luồng xử lý (Elsevier, n.d.). Ở phía giải pháp mở, tổ chức Public Knowledge Project (PKP) phát triển phần mềm Open Journal Systems (OJS) như một

nền tảng đầu - cuối (end-to-end) để quản lý và xuất bản tạp chí khoa học điện tử, bao gồm quy trình nộp bài, phản biện, xuất bản và lưu trữ. OJS cung cấp hướng dẫn quy trình biên tập chuẩn hóa từ tiếp nhận đến xuất bản, cho phép cấu hình vai trò, nhật ký xử lý, và tích hợp chỉ mục/định danh theo chuẩn quốc tế (PKP, n.d.). Đối với hệ thống tạp chí của Học viện, cách tiếp cận “nền tảng dùng chung” tạo điều kiện để hình thành một kiến trúc quản trị thống nhất: Quy trình chuẩn, bộ tiêu chí chất lượng, dashboard đo lường (thời gian phản biện, tỷ lệ chấp nhận, vòng sửa, tình trạng tồn đọng) và cơ chế kiểm soát rủi ro ở cấp hệ thống thay vì xử lý sự vụ ở từng tạp chí.

Định hướng đổi mới thứ ba, thiết lập năng lực dữ liệu và hạ tầng định danh phục vụ chuẩn hóa, lưu trữ và liên thông. Trong chuẩn mực quốc tế, đăng ký DOI và nộp/duy trì metadata là điều kiện quan trọng để tăng khả năng trích dẫn, truy xuất và liên thông hệ thống dữ liệu học thuật. Crossref (n.d.) mô tả dịch vụ “Content Registration” cho phép thành viên đăng ký DOI và cập nhật metadata, qua đó bảo đảm tính bền vững của liên kết trích dẫn và hệ sinh thái phát hiện tri thức. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà là yêu cầu quản trị dữ liệu xuất bản: Chuẩn hóa metadata (tác giả, cơ quan, ORCID (nếu có), từ khóa, tài liệu tham khảo), chuẩn hóa cấu trúc số của số/tập, và thiết lập cơ chế lưu trữ, bảo quản số theo các nguyên tắc minh bạch mà DOAJ khuyến nghị. Với cơ quan có nhiều tạp chí như Học viện, lợi ích hệ thống là rõ rệt, bởi với kho dữ liệu xuất bản dùng chung sẽ giúp phục vụ kiểm định chất lượng, minh chứng hoạt động khoa học, và báo cáo quản trị theo yêu cầu pháp lý cũng như yêu cầu đánh giá học thuật.

Định hướng đổi mới thứ tư, liên quan trực

tiếp đến an toàn, an ninh và tuân thủ pháp luật trong môi trường số. Khi quy trình biên tập chuyên lên nền tảng trực tuyến, hệ thống sẽ xử lý dữ liệu cá nhân của tác giả, phản biện, biên tập viên; đồng thời, lưu trữ nội dung bản thảo, nhận xét phản biện và các trao đổi nghiệp vụ. Vì vậy, quản trị tạp chí phải tích hợp “an ninh theo thiết kế ngay từ ban đầu” và “tuân thủ theo thiết kế”: Phân quyền chặt chẽ, nhật ký truy cập, mã hóa, bản sao số, kế hoạch khôi phục và cơ chế kiểm soát thông tin. Về phương diện quản lý thông tin trên mạng, khuôn khổ quản lý dịch vụ internet và thông tin trên mạng đặt ra yêu cầu đối với cơ quan quản trị nội dung số, nhất là trong kiểm soát thông tin vi phạm và quản trị trách nhiệm của chủ thể vận hành hệ thống. Đồng thời, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản tạo ra “ngưỡng tuân thủ” bắt buộc, khiến quản trị rủi ro nội dung và quy trình trở thành yêu cầu quản trị thường xuyên chứ không chỉ là phản ứng khi có sự cố. Nói cách khác, chuyển đổi số trong quản lý tạp chí không thể tách rời quản trị rủi ro pháp lý, đạo đức, an ninh mạng.

Định hướng đổi mới thứ năm, đồng bộ hóa đổi mới quản trị tạp chí với các định hướng, chương trình quốc gia về chuyển đổi số và tham gia, ứng dụng kết quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm biến “đổi mới quy trình” thành “đổi mới năng suất tri thức”. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp, và nhân mạnh chuyển đổi số trong quản trị, trong đó các thiết chế sản xuất, phổ biến tri thức cần được tổ chức lại theo hướng số hóa quy trình, dữ liệu hóa vận hành và nâng cao trải nghiệm người dùng (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Nghị quyết số

52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, phát triển nhân lực và đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tinh thần này nếu chuyển hóa vào hoạt động quản trị tạp chí sẽ đòi hỏi cơ chế đầu tư cho hạ tầng xuất bản số, đào tạo năng lực số cho đội ngũ cán bộ và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng như một phần của năng lực cạnh tranh học thuật quốc gia. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng đặt ra yêu cầu “đột phá” về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, theo đó đòi hỏi các tạp chí khoa học phải nâng cấp quản trị để trở thành hạ tầng lan tỏa tri thức, thúc đẩy đổi mới thay vì chỉ là kênh công bố mang tính “thủ tục”.

Từ các định hướng trên, có thể khẳng định, đổi mới phương thức quản lý hệ thống tạp chí Học viện trong bối cảnh mới phải được triển

khai theo một khung tiêu chí thống nhất, bao gồm: 1) Tuân thủ pháp luật, hợp chuẩn quy hoạch báo chí, lấy Luật Báo chí năm 2025 làm nền tảng, đồng thời bảo đảm tương thích với các quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc; 2) Chuẩn hóa xuất bản khoa học gắn với minh bạch, liêm chính học thuật theo thông lệ quốc tế; 3) Nền tảng hóa quy trình quản trị bản thảo để tạo dữ liệu điều hành và kiểm soát chất lượng; 4) Dữ liệu hóa, định danh hóa nhằm tăng khả năng truy xuất, lưu trữ và liên thông; 5) Bảo đảm an ninh, an toàn để giảm rủi ro vận hành và bảo vệ uy tín học thuật. Nếu đổi mới không đồng bộ, quá trình chuyển đổi số dễ rơi vào “số hóa bề mặt” mà không tạo ra giá trị quản trị và chất lượng khoa học. Ngược lại, nếu thực hiện theo logic hệ thống với 5 trụ cột quản trị, hệ thống tạp chí Học viện có thể trở thành một hạ tầng lan tỏa tri thức chuẩn hóa, góp phần nâng tầm chất lượng công bố, củng cố liêm chính học thuật, bảo đảm tuân thủ pháp luật báo chí và từng bước nâng cao năng lực hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số ■

¹ Open Researcher and Contributor ID (ORCID) là tổ chức phi lợi nhuận cung cấp mã định danh kỹ thuật số duy nhất, miễn phí (gồm 16 số) cho các nhà nghiên cứu, giúp phân biệt họ với người khác và liên kết đáng tin cậy các hoạt động, đóng góp nghiên cứu (bài báo, tài trợ, dữ liệu) trên toàn thế giới, tương tự như ISBN cho sách hay DOI cho bài báo.

² Open Journal Systems (OJS) là nền tảng mã nguồn mở do tổ chức Public Knowledge Project (PKP) phát triển, nhằm hỗ trợ các tạp chí khoa học quản lý quy trình phản biện và xuất bản trực tuyến, nâng cao chất lượng công bố học thuật.

³ Các tạp chí tại Trung tâm Học viện gồm: Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Lịch sử Đảng, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và Thực tiễn, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Tạp chí Pháp luật về quyền con người, Tạp chí Triết học và Đời sống, Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách, Tạp chí Nghiên cứu văn hóa và phát triển, Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, Tạp chí Kinh tế chính trị.

⁴ Các tạp chí ở các học viện trực thuộc gồm: Tạp chí Giáo dục lý luận, Tạp chí Khoa học chính trị, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, Tạp chí Thông tin khoa học chính trị, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, Tạp chí Quản lý nhà nước.

⁵ Hiện nay, Học viện có 151 người làm công tác báo chí, trong đó có 104 cán bộ chuyên trách và 47 cán bộ kiêm nhiệm. Về học hàm, học vị: 9 phó giáo sư, 59 tiến sĩ, 65 thạc sĩ. Hầu hết lãnh đạo các tạp chí đều có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, tiến sĩ. Nhân lực tạp chí có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm 90,73% (Luu Thị Mai Anh, 2025).

⁶ Core Practices được COPE xây dựng vào năm 2017, áp dụng cho tất cả các chủ thể tham gia vào

hoạt động xuất bản tài liệu học thuật, bao gồm: Biên tập viên và các tạp chí, nhà xuất bản và các cơ sở/thiết chế (institutions). Các Core Practices cần được xem xét đồng thời với các bộ quy tắc ứng xử cụ thể của quốc gia và quốc tế về nghiên cứu khoa học, và không nhằm mục đích thay thế các bộ quy tắc đó (COPE, 2017).

⁷ Elsevier là một nhà xuất bản học thuật và thông tin khoa học lớn nhất thế giới, cung cấp các tạp chí, sách và công cụ số cho các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và y tế (STEM); thuộc Tập đoàn RELX, chuyên cung cấp các nền tảng như ScienceDirect, Scopus, giúp nhà nghiên cứu truy cập kiến thức và công bố công trình của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, ban hành ngày 22/12/2024.
2. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, ban hành ngày 27/9/2019.
3. COPE (2017), *Why the Code of Conduct for Journal Editors was replaced with the Core Practices*, in *History of the COPE Code of Conduct and Core Practices*, <https://publicationethics.org/about/what-we-do/our-story/history-code-conduct>
4. Crossref (n.d.), *Constructing your DOIs*, <https://www.crossref.org/documentation/member-setup/constructing-your-fois?utm>
5. DOAJ (n.d.), *Transparency & best practice*, <https://doaj.org/apply/transparency/?utm>
6. Elsevier (n.d.), *What does the status of my submission mean in Editorial Manager?*, <https://www.elsevier.support/publishing/answer/what-does-the-status-of-my-submission-mean-in-editorial-manager?utm>
7. Nguyễn Lan & Xuân Phú (2026), *Hội nghị công tác viên Tạp chí Lý luận chính trị năm 2025*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/hoi-nghi-cong-tac-vien-tap-chi-ly-luan-chinh-tri-nam-2025-11432.html>
8. Nguyễn Thị Thùy Linh (2024), *Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các tạp chí Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/day-manh-chuyen-doi-so-trong-hoat-dong-cua-cac-tap-chi-hoc-vien-chinh-tri-quoc-gia-ho-chi-minh-6564.html>
9. Lê Thị Bắc (2025), *Đẩy mạnh hội nhập quốc tế của các tạp chí khoa học Việt Nam: Góp phần hiện thực hóa Nghị quyết 57*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam điện tử, <https://old.vjst.vn/vn/tin-tuc/18802/day-manh-hoi-nhap-quoc-te-cua-cac-tap-chi-khoa-hoc-viet-nam--gop-phan-hien-thuc-hoa-nghi-quyet-57.aspx>
10. Lưu Thị Mai Anh (2025), *Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực tạp chí Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên mới của dân tộc*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/dao-tao-boi-duong-doi-ngu-nhan-luc-tap-chi-hoc-vien-chinh-tri-quoc-gia-ho-chi-minh-dap-ung-yeu-cau-trong-ky-nguyen-moi-cua-dan-toc-9202.html>
11. PKP (n.d.), *Open Journal Systems*, <https://pkp.sfu.ca/software/ojs/?utm>
12. Quốc hội (2025), *Luật Báo chí*, Luật số 126/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025.
13. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, ban hành ngày 3/6/2020.